

Tìm hiểu giá trị

Lịch sử - Văn hóa

Đông Nam

Năm 2014



BAN TỔ CHỨC HỘI THI

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA NĂM 2

# BÀI DỰ THI

NHÂN VẬT LỊCH SỬ CỦA MÃNH ĐẤT

HÀO KHÍ ĐÔNG NAI 300 NĂM

Nhân Vật

Thi Trường

Huyện Văn Nghệ

## Đề Thi

"Trong số các di tích nhân vật lịch sử văn hóa cấp tỉnh ở Đông Nai mà bạn đã đến tham quan, hãy trình bày cảm nghĩ về giá trị nhân vật lịch sử văn hóa mà bạn tâm đắc nhất; nêu ý kiến góp ý kiến nghị về việc giữ gìn, phát huy giá trị của nhân vật lịch sử ấy trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đông Nai văn minh giàu đẹp".

Nhân Đạt

Thi Tương

Huyền Văn Nghệ





Huỳnh Văn Nghệ là nhà chỉ huy quân sự tài ba, một nhà thơ được nhân dân tôn vinh gọi là "Thi tướng"

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm (NXB Đồng Nai 1998)
- Địa Chí Đồng Nai (NXB Đồng Nai, 2001).
- Lịch sử Đảng bộ Đồng Nai, 3 tập (NXB Đồng Nai, tập I: 1997, tập II: 2000, tập III: 2008).
- Lịch sử Chiến khu Đ (NXB Đồng Nai, 1997).
- Hỏi - Đáp Biên Hoà - Đồng Nai ( NXB Đồng Nai, 2010).
- Những anh hùng trên đất Đồng Nai (NXB Quân đội nhân dân, 2001)
- Những cá nhân, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Đồng Nai (NXB Quân đội nhân dân, 2009)
- Trung ương Cục miền Nam – Chiến khu Đ (1960 – 1962) (NXB Đồng Nai, 2004).
- Các cuốn sách lịch sử Đảng bộ địa phương (*các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà; xã, phường, thị trấn*) đã xuất bản.
- Bách khoa toàn thư mở- Sóng cứu long NXB Đồng Nai.
- Người Bình Xuyên của Nguyễn Hùng.
- Huỳnh Văn Nghệ tác giả và tác phẩm của Bùi Quang Huy, NXB Đồng Nai.
- Nguyễn Đình Chiêu, Lục Vân Tiên. Thơ.
- Huỳnh Văn Nghệ, Bên dòng sông xanh. Thơ. Chiến Khu Đ - 1946
- Huỳnh Văn Nghệ. Tiếng hát giữa rừng. Thơ Chiến khu Đ - 1946.
- Theo anh hùng Lê Mã Lương - Giám đốc Bảo tàng Quân đội thì tại Bảo tàng Quân đội có lưu trữ tài liệu phong hàm cấp Tướng cho ông Huỳnh Văn Nghệ. (Gia đình ông Huỳnh Hữu Phước cung cấp thông tin).
- Thạch Phương, Lê Trung Hoa (chủ biên). Từ điển thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh. Trang 161, 162, 430. Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
- Tài liệu được lưu giữ tại nhà lưu niệm – Đền thờ Huỳnh Văn Nghệ tại Tân Uyên
- Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai, “Thơ văn Huỳnh Văn Nghệ”, Nhà xuất bản Đồng Nai 1998.



Lịch sử vẻ vang của mảnh đất hào khí Đồng Nai hơn 300 năm đã ghi lại dấu ấn của nhiều vị anh hùng dân tộc, những danh nhân dù đã mất hàng trăm năm nhưng vẫn lưu danh tiếng và giá trị lịch sử cho các thế hệ sau được kế thừa lý tưởng và nhân cách sống. Những vị anh hùng dân tộc, những danh nhân của Đồng Nai hoạt động trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự,... trong đó nổi bật là tài năng về quân sự, với nhiều võ tướng lẫy lừng. Do đó, việc tỉnh Đồng Nai tổ chức “Hội thi tìm hiểu giá trị lịch sử văn hóa tỉnh Đồng Nai năm 2014 với chủ đề ***“Cảm nhận và ý kiến về một danh nhân văn hóa hoặc một nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất”*** có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tạo môi trường cho lớp trẻ hiện nay ghi nhớ lại công lao của các vị anh hùng dân tộc. Tuy rằng tôi đang bận rất nhiều cho công việc chuyên môn còn rất mới mẻ, cùng một lúc học cao học, học chuyên đổi, ôn thi cao học và học trung cấp chính trị, nhưng tôi rất hào hứng dành thời gian nghiên cứu, đi tham quan các di tích để chọn nhân vật lịch sử mà tôi tâm đắc nhất.

Thật là khó để lựa chọn vì đi tham quan nhiều nơi, tìm hiểu nhiều nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa của Đồng Nai tôi nhận thấy nhân vật nào cũng để lại cho tôi những ấn tượng sâu sắc về tài năng, bản chất anh hùng cách mạng, truyền thống yêu nước và có những đóng góp, hy sinh trong công cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và hạnh phúc của dân tộc.





Đền viếng Đền thờ và mộ Nguyễn Hữu Cảnh tọa lạc bên tả ngạn sông Đồng



Nai, thuộc ấp Bình Kính, thôn Bình Hoành, tổng Trấn Biên, nay là ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa, tôi cảm nhận được Nguyễn Hữu Cảnh là vị tướng cầm quân đã biết dùng tài đức để

**Tác giả viếng thăm Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh** phủ dụ dân chúng. Ông đã có công lớn trong sự nghiệp Nam tiến của nhân dân ta; ông đã mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân. Ông đã được quần chúng kính phục, nhớ ơn, tôn thờ.



**Tác giả viếng thăm Lăng mộ Trịnh Hoài Đức**

Đền viếng Lăng mộ Trịnh Hoài Đức tọa lạc tại phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tôi cảm nhận được Ông là một con người tài đức vẹn toàn, được vua tin yêu, quần thần ngưỡng vọng. Dù ở chức quan cao cực phẩm nhưng Trịnh Hoài Đức vẫn sống giản dị, thanh cao, chỉ biết quên mình lo việc ích nước, lợi dân. Về phương diện văn hoá, Trịnh Hoài Đức là nhà thơ, nhà viết sử lỗi lạc. Trịnh Hoài Đức để lại

cho hậu thế một kho tàng trước tác đồ sộ gồm thơ văn và các công trình nghiên cứu như: *Gia Định thành thông chí*, *Cán Trai thi tập*... Công trình khảo cứu *Gia Định thành thông chí* là bộ địa lý học – lịch sử giá trị trong kho tàng thư tịch cổ của nước ta. Những thế hệ con dân xứ Biên Hoà - Đồng Nai luôn biết ơn và tự hào về Trịnh Hoài Đức, một tài năng lớn, một nhân cách lớn đã góp phần đặt nền móng cho một vùng hào khí Đồng Nai – văn hóa Đồng Nai.



**Đền thờ Trần Thượng Xuyên - Đình Tân Lâm**

Đền viếng Đền thờ Trần Thượng Xuyên tọa lạc ở phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà, tôi cảm nhận được Trấn Biên Đô đốc tướng quân Trần Thượng Xuyên, người có công







**Tác giả đến viếng Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa sĩ**

lớn trong việc khai phá đất đai và mở mang thương mại vùng Đồng Nai - Gia Định.

Đến viếng Đền thờ, mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh tử vong trong trận tấn công của Pháp vào bung Kiệu năm 1905 tọa lạc trên khu bình địa tổng kho Long Bình, phường Long Bình, tôi cảm nhận tấm gương can liệt của Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa sĩ vẫn sáng mãi với khí thiêng sông núi, góp phần làm rạng rỡ “hào khí Đồng Nai”.

Mỗi người khi đến viếng Đền thờ các nhân vật lịch sử và danh nhân văn hóa, có thể tự đánh giá những nhân vật lịch sử bằng cảm nhận trực quan của riêng mình, có những suy nghĩ, tâm tư tình cảm riêng về một giai đoạn lịch sử hào hùng, về những sự kiện hoặc về một con người, một danh nhân cách mạng cụ thể. Trong các nhân vật lịch sử và danh nhân văn hóa mà tôi đến viếng, tôi đặc biệt quan tâm đến nhân vật lịch sử có nhiều công trạng và hi sinh cả cuộc đời vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nguyên nhân là vì tôi nhận thức được từ khi có Đảng, đất nước ta có một giai đoạn lịch sử hào hùng nhất của dân tộc, góp phần làm tăng thêm lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc,

góp phần tạo nên một khí thế hào hùng, một vùng đất anh dũng nghĩa khí của người dân Đồng Nai.

Qua nhiều ngày đi tìm chất sử và tình cảm cho nhân vật tâm đắc của mình trong giai đoạn lịch sử có Đảng lãnh đạo, tôi có ấn tượng sâu sắc với nhân vật lịch sử được nhân dân tôn vinh là “THI TƯỚNG”. Tướng do Nhà nước phong thì nhiều, nhưng do nhân



**Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ xứng danh là danh nhân Nam bộ, tinh hoa của Trần Biên hội tụ hào khí Đồng Nai**



dân tôn vinh thì hiếm. Tướng là nhà chỉ huy quân sự giỏi thì nhiều, nhưng Tướng vừa là nhà chỉ huy quân sự giỏi vừa là Nhà thơ lớn thì hiếm. Đó là lý do thôi thúc tôi tìm về một giai thoại lịch sử hào hùng và đầy chất nghĩa khí của một người con Nam Bộ Huỳnh Văn Nghệ, một nhân vật lịch sử được nhắc đến rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng trong những năm gần đây. Ông trở thành đề tài sáng tác của văn học, nghệ thuật và nghiên cứu của lịch sử, văn hóa. Cuộc đời ông như một huyền thoại, gắn liền với những trang sử vẻ vang của Chiến khu Đ trong kháng chiến chống Pháp.

Để cảm nhận sâu sắc về những giá trị lịch sử - văn hóa của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ, tôi quyết định một mình tìm đến Đền thờ và mộ phần của Thi tướng.

Tôi đi Honda đến bến phà nhỏ ở huyện Vĩnh Cửu mà người dân trong vùng vẫn quen gọi bằng cái tên dân gian quen thuộc: Bến đò bà Miêu. Qua sông một đỗi là địa phận của xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, nay thuộc tỉnh Bình Dương. Đây từng là vùng chiến khu Tân Uyên-Lạc An thời chống Pháp, sau là chiến khu Đ vùng oanh kích tự do. Tuy địa phận hành chánh, địa lý có thay đổi nhiều lần nhưng huyện Tân Uyên - là một trong những căn cứ kháng chiến vững mạnh nhất của Nam Bộ thời chống Pháp, rồi trung tâm của chiến khu Đ thuộc khu 7 nối liền với

Trung ương cục miền Nam vẫn giữ nguyên tên cũ.

Đền thờ và mộ phần thi tướng chỉ cách bến phà vài cây số. Ngay từ cổng vào, hàng chữ “Nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ” gây ấn tượng rất mạnh với tôi. Cổng lợp mái đỏ viền trắng cong vút, trên có họa tiết lưỡng long tranh châu tương tự cấu trúc của

mái đình. Hai cánh cửa sắt sơn đen lúc nào cũng mở rộng. Hai bên cổng chính



**Tác giả tìm về nguồn : dấu ấn tôn vinh  
Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ**

trên hai cột xi măng là câu đối

*“Tân Uyên trà nhất lập  
Huỳnh tộc vọng trường lưu”*



Con đường vào ngấn, thẳng tắp, dưới bóng giàn hoa giấy trồng hai bên của lối đi dẫn đến "Khu tưởng niệm Huỳnh Văn Nghệ." Đó là một khuôn viên đã được xây dựng khá hoàn chỉnh, có đài tưởng niệm liệt sĩ, có mộ phần của nhà thơ, của các cụ thân sinh ra nhà thơ... có nhà tưởng niệm, nhà khách, nhà thảo luận để tổ chức hội thảo, sinh hoạt văn hoá. Thảm cỏ, cây xanh, bãi xe... tất cả được bàn tay kiến trúc thiết kế xây dựng hợp lý trên một khu đất chừng gần bốn công Nam bộ. Đây cũng chính là khu đất của thân mẫu nhà thơ để lại.



Tác giả viếng Mộ Tướng Nghệ và vợ của ông

Cấu trúc mộ Huỳnh Văn Nghệ là hình một phiến đá vươn lên cao, vừa thanh thoát, vừa uy nghi với 9 lớp đá rửa màu hồng nhạt chồng lên nhau, giữa là khuôn hình "Nhà thơ chiến sĩ" cùng hai

câu thơ được khắc rõ nét:

Giữ lại ban mây vần thơ trên cát  
Và giờ đây tôi qua bến bến Trường



Cạnh 2 ngôi mộ của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và vợ là một căn nhà sàn dài, đẹp xây bằng gỗ đỏ thẫm phía sau với hai cầu thang lên xuống, bên dưới là hoa cỏ xanh um.







Đền thờ Thi tướng đặt giữa khu đất, được xây khá cao, khang trang theo kiến trúc Đền, Đình Nam bộ. Đền thờ vừa được nâng cấp có 2 tầng



Tầng trên là phần thờ tự bày biện theo truyền thống Việt Nam



Phòng trưng bày các di ảnh các hiện vật của Nhà thơ Chiến sĩ trong thời kỳ kháng chiến...

.....Và cả những câu thơ của người dân

mến thương tặng cho ông:

Huỳnh Văn Nghệ vang danh một thuở  
Sử thân mình cứu nước non sông  
Không màng danh lợi tranh công  
Những người còn sống bây giờ như sao?







Tác giả thấp hương tri ân Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ

Trong làn khói của nén hương được thấp tri ân đến vi tướng trong lòng của nhân dân, những tấm ảnh đã ố mờ theo thời gian, những tư liệu tại Đền thờ và được nghe lời kể của Ông Huỳnh Hữu Phước, đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu được giao nhiệm vụ “ông từ giữ đền” tôi cảm nhận sâu sắc

những chặng đường đời oanh liệt của ông

....



Ông sinh ngày 02 tháng 02 năm 1914 tại làng Tân Tịch, tổng Chánh Mỹ Hạ, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Trước khi sinh ra ông, gia đình ông từng sống du cư bằng ghe trên sông Bao Ngược. Năm 1903, gia đình ông gặp một trận bão lớn cuốn hết cả gia tài và hai người con đầu.



Tác giả viếng mộ thân sinh Ông Huỳnh Văn Nghệ

Sau trận bão đó, gia đình ông lưu lạc lên lập nghiệp ở vùng Tân Uyên. Cha của ông là ông Huỳnh Văn Tồn, từng học võ và biết chữ Nho, sống bằng nghề đi săn, nhưng có lúc phải đi làm mướn (cưa gỗ) để sinh kế. Là một người khảng khái, mặc dù chính quyền thực dân cấm, ông Tồn vẫn lén lút dạy võ cho thanh niên trong làng

và từng được hương chức làng mời ra làm hương tuần nhưng ông Tồn



không nhận. Mẹ ông là bà Đoàn Thị Hiền, sinh năm Canh Thìn (1880), làm nghề gánh hàng bán cau khô, vải, nước mắm, thường đi chợ Tân Uyên để mua hàng về bán cho các làng lân cận như Tân Hòa, Mỹ Lộc...

Huỳnh Văn Nghệ là con thứ 7 trong gia đình nên còn gọi là Tám Nghệ. Trừ 2 người đầu mất tích do bão lũ năm 1903, và người thứ ba và thứ sáu mất sớm, ông có một người anh thứ tư (Năm Thọ) và người chị thứ năm (Sáu Yền) và 2 người em út (Chín Lương và Mười Mẫn).



**Chân dung Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ**

bắt quỳ gối, đánh đòn; đã dám đứng ra lập trận, đốc thúc trẻ chăn trâu làm “nghĩa quân” chọi đất sét ướt, đánh đôi “giặc Tây”.

Vốn là một đứa trẻ thông minh, tuy nhà nghèo, nhưng ông được hưởng một nền giáo dục rất tốt, được gia đình chăm lo ăn học đến nơi đến chốn. Ông được cho đi học bậc tiểu học tại làng Mỹ Lộc, quận Tân Uyên và học rất giỏi. Nhờ đó, năm 1928, sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học, ông đã giành được học bổng bậc trung học của Trường Petrus Ký. Sau khi lên Sài Gòn học ít lâu, cha ông tử nạn bởi bị rắn độc cắn. Toàn bộ gia đình ông trông nhờ vào người mẹ buôn bán nhỏ và người anh làm thầy giáo ở quê nhà.

Hấp thu nền giáo dục tốt đẹp của gia đình và chứng kiến cảnh nghèo khổ của gia đình mình, của hầu hết bà con bản quán đã thường bị bọn quan làng ức hiếp rất tủi nhục, bản thân tuổi thơ Nghệ cũng bị thầy giáo làng hành hạ, chỉ vì cái tội nhà nghèo, phải mặc quần áo rách đi học. Từ đó, Huỳnh Văn Nghệ đã có chí hướng chống đối bất công, đã

trốn học để không bị thầy giáo



## Con đường hoạt động cách mạng

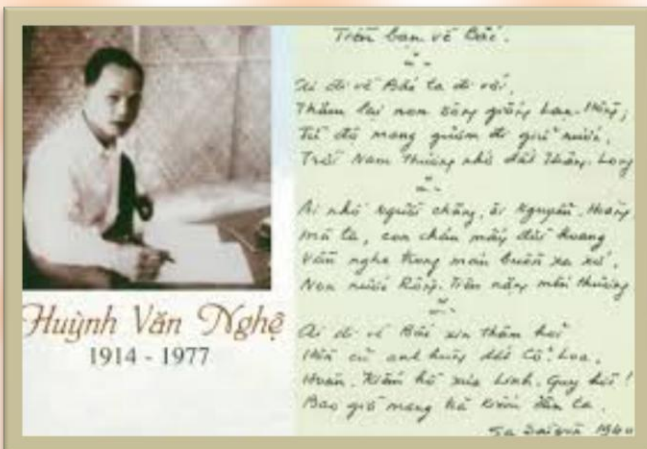
Từ nhỏ, ông chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước của gia đình. Khi học bậc trung học tại trường Petrus Ký tại Sài Gòn, ông thường xuyên có thái độ bài Pháp thực dân và đã có những tiếp xúc đầu tiên với những Đảng viên Cộng sản. Trong tự truyện của mình, ông có ghi lại tên Đảng viên Cộng sản đầu tiên tiếp xúc với ông tên là Phụng, khi ông và người đó cùng chữa trị tại bệnh viện..



**Huỳnh Văn Nghệ luôn khao khát tìm chỉ hướng cho cuộc đời của mình**

Năm 1932, Sau khi tốt nghiệp với bằng Thành chung, ông vào làm công chức tại Sở Hỏa xa Đông Dương (Sài Gòn). Với thiên hướng đi theo con đường của những người dám hy sinh thân mình, “Giữa đường thấy chuyện bất bình mà cam” tìm cách giúp đỡ, bênh vực người nghèo khó, chống giặc Pháp xâm lược và bọn quan làng tay sai. Cùng với sự ủy thác, mong mỏi của người anh ruột, Huỳnh Văn Nghệ đã tích cực tìm kiếm và đã may mắn gặp được người nữ Đảng viên Cộng sản, được nghe tuyên truyền về Đảng Cộng sản Đông Dương, được Đảng giác ngộ, tham gia vào các hoạt động do Đảng lãnh đạo.

Năm 1936, ông bắt đầu hoạt động làm thơ, viết báo bằng tiếng Việt và tiếng Pháp đăng trên các báo ở Sài Gòn với bút danh Hoàng Hồ, thời gian này ông được các cán bộ Cộng sản vận





động, tham gia phong trào Đông Dương Đại hội.

Năm 1937, ông được bí mật kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất.

Năm 1940 ông tham gia khởi nghĩa Nam kỳ, sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, giặc Pháp đàn áp những người Cộng sản, một số đồng chí rút về rừng Tân Uyên tránh giặc Pháp khủng bố, Huỳnh Văn Nghệ lo việc tiếp tế đạn dược, thuốc men cho các đồng chí này.

Năm 1942, hoạt động bị lộ, Huỳnh Văn Nghệ phải trốn sang Thái Lan. Ông tổ chức và cho xuất bản tờ báo Hồn cố hương, kêu gọi tinh thần hướng về Tổ quốc, ủng hộ cách mạng kiều bào.



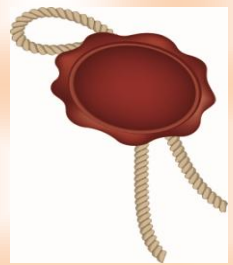
**Nghĩa quân Đất Cuốc tại Tân Uyên dùng ngựa làm phương tiện di chuyển**

Năm 1944, Huỳnh Văn Nghệ về nước, bắt được liên lạc với cách mạng, được đồng chí Trần Văn Giàu, Bí thư Xứ ủy Nam kỳ phân công lập căn cứ quân sự cho cách mạng tại Tân Uyên, Biên Hòa. Huỳnh Văn Nghệ đã lập được khu

nghĩa quân Đất Cuốc tại Tân Uyên.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, chiếc tàu Touran của Pháp chạy trốn quân Nhật bị mắc cạn trên sông Đồng Nai, quân Pháp bỏ chạy, đã thu giữ một phần trang bị cho nghĩa quân Đất Cuốc.

Sau ngày 9/3/1945, đồng chí Trần Văn Giàu, Bí thư Xứ ủy Nam kỳ điều Huỳnh Văn Nghệ về Sài Gòn làm công tác binh vận. Năm này ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản tại Chi bộ Phú Nhuận. Ông cùng một số anh em lập Đoàn Cựu binh sĩ, Ban Chỉ đạo Đoàn công khai đóng trước cửa chợ Sài Gòn và được làm việc trực tiếp với Bí thư Xứ ủy.







**Từ trái qua: Ông Huỳnh Văn Nghệ, ông Lê Duẩn, Trung tướng Nguyễn Bình**

Tại Hội nghị Chợ Đệm, Ủy ban Nhân dân Nam bộ bổ nhiệm Huỳnh Văn Nghệ làm cố vấn cho Ủy ban Kháng chiến miền Đông. Mặc dù Ủy ban này đã rút lui trước về Biên Hòa, Xuân Lộc cùng với nhiều lực lượng

như Đệ Nhị sư đoàn, Cộng hòa vệ binh, Bộ đội Nam

Long, nhưng khi giặc Pháp lần chiếm ra các vùng ngoại vi Sài Gòn - Gia Định, ông đã ở lại tham gia chiến đấu chống giặc với bộ đội ở các mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn, ở mặt trận Thị Nghè, ở đường số 1 từ Sài Gòn về Biên Hòa, ở cầu Băng Ky, Bình Lợi, Thủ Đức..., chặn từng bước tiến của giặc về miền Đông Nam bộ. Sau đó, ông đã xin chỉ thị của đồng chí Dương Bạch Mai, Thanh tra chính trị miền Đông, tổ chức đốt tòa bố, sờ cò, bưu điện Biên Hòa, thu 23 khẩu súng trường đem về Tân Uyên xây dựng lực lượng.

Tháng 7 năm 1945, lần thứ hai ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, Thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong tại Biên Hòa, và tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám, trực tiếp chỉ huy bắt sống Tỉnh trưởng và cảnh sát trưởng tỉnh Biên Hòa. Ông được giao nhiệm vụ chỉ huy trưởng lực lượng Giải phóng quân Biên Hòa, cố vấn cho Ủy ban kháng chiến miền Đông.

Cuối tháng 9 năm 1945, Sài Gòn bị Pháp chiếm, luật sư Dương Văn Giáo, một trong những lãnh đạo Việt Nam phục quốc đồng minh hội, đứng ra thành lập chính phủ Nam kỳ Cộng hòa quốc phục vụ cho thực dân Pháp. Huỳnh Văn Nghệ cùng đồng chí Nguyễn Văn Giỏi nhận lệnh của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ, đã bắt sống được Dương Văn Giáo, Giáo bị xử tử, Chính phủ của Giáo tan rã.

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Ngày 22 tháng 10 Ủy ban kháng chiến miền Đông rút ra Xuân Lộc, Phan Thiết. Một bộ phận 40 người và 30 súng trường do Ông chỉ huy trở về Tân Tịch, ấp Đất



Cuộc huyện Tân Uyên dựa vào rừng quê hương làm căn cứ xây dựng lực lượng chống thực dân Pháp, gọi là bộ đội Huỳnh Văn Nghệ. Căn cứ Tân Uyên được ông bố trí phòng ngự vững chắc, vận động nuôi ăn cho đơn vị tỉnh và bộ đội các tỉnh bạn về đây theo lệnh của Khu trưởng Nguyễn Bình, bảo vệ Khu bộ, tiếp liệu cho các công binh xưởng của khu. Không bao lâu, Tân Uyên trở thành một trong những căn cứ vững mạnh nhất ở Nam bộ.

Từ đầu năm 1946, giặc liên tiếp mở các cuộc tấn công lớn vào chiến khu Tân Uyên - Lạc An (chiến khu Đ). Ngày 2/1/1946, Ông trực tiếp chỉ huy lực lượng tỉnh Biên Hòa tham gia trận phản công lớn nhất đầu tiên của Nam bộ do Khu tổ chức, tấn công vào thị xã Biên Hòa. Bộ phận của ông làm tròn nhiệm vụ chính của trận đánh là thọc sâu vào chỉ huy sở của quân Anh - Ấn ở Tòa bố Biên Hòa, tiêu diệt bọn chỉ huy, làm địch thiệt hại nặng. Trận này ảnh hưởng rất tốt đến tinh thần kháng chiến của đồng bào toàn Nam bộ.



**Tướng Nghệ đang chỉ huy chiến lược tại Tân Uyên**

Tháng 2/1946, Ông tham gia trận Tân Uyên, trực tiếp chỉ huy mặt trận Tân Tịch - lạc An, vừa chỉ đạo việc tiếp tế lương thực, đạn dược cho toàn mặt trận gồm hơn 5.000 người, đánh suốt hai ngày đêm. Kết quả đánh lui thủy lục không quân địch, làm chúng không chiếm được Tân Uyên mà phải bỏ lại nhiều xác chết và hai tàu bị ta đánh chìm. Sau đó, ông

được Khu trưởng Nguyễn Bình chỉ định làm Chi đội trưởng Chi đội 10.

Tháng 3/1946, Ông chỉ huy một trận tiêu diệt một đại đội địch, bắn rơi một máy bay, giết được một tên quan năm không quân Barlier, đây là chiếc máy bay đầu tiên của địch bị ta hạ ở Nam bộ. Sau trận này địch mới chịu mở hội nghị bàn về việc thi hành Hiệp ước Sơ bộ 6/3 ở Nam bộ, ông được cử đi dự Hội nghị và làm tròn nhiệm vụ.

Tháng 4 năm 1946 ông được cử làm Phó Chủ tịch kiêm Ủy viên Quân sự của Ủy ban Hành chính tỉnh Biên Hòa.



Tháng 5 năm 1946. giặc Pháp mở cuộc tiến công lớn lần thứ 2 vào Tổng hành dinh tướng Nguyễn Bình. Sau trận càn này, khu bộ khu 7 chuyển về Giồng Dinh (Đồng Tháp Mười). Khu vực đóng Tổng hành dinh cũ của tướng Nguyễn Bình với các mật danh khu A, B, C không còn. Từ đây, Chiến khu Đ được gọi thay cho Chiến khu Tân Uyên.



Tháng 6 năm 1946, Khu 7 mở Hội nghị Quân sự tỉnh Biên Hoà tổ chức tại Chiến khu, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang mỗi tỉnh và tổ chức thành Chi đội. Tại Biên Hoà, Vệ quốc đoàn Long Thành; Vệ Quốc đoàn Châu Thành sáp nhập vào Vệ quốc đoàn Biên Hoà. Từ đây, lực lượng vũ trang yêu nước tại

Biên Hoà hình thành Chi đội 10. Sau đó ông làm Chi đội trưởng Chi đội 10 Vệ quốc đoàn Nam Bộ (tương đương trung đoàn) hoạt động tại địa bàn Biên Hòa. Ban Chỉ huy Chi đội gồm: Huỳnh Văn Nghệ – Chi đội trưởng, Nguyễn Văn Lung – Chi đội phó và Phan Đình Công – Chính trị viên.

Quân số của Chi đội 10 trên 2.000 người, được tổ chức thành 3 đại đội với phiên hiệu A, B,C. Đại đội A gồm 3 trung đội 1,2,3 do Võ Tinh Quân chỉ huy, đứng chân hoạt động trên địa bàn Tân Uyên, Chiến khu Đ; đại đội B gồm 3 trung đội 4,5,6 do Lê Văn Ngọc chỉ huy, đứng chân hoạt động trên địa bàn Xuân Lộc, Châu Thành; đại đội Công nhân gồm 2 trung đội 7,8 do Lương Văn Nho chỉ huy hoạt động ở địa bàn Long Thành.

Đến tháng 8 năm 1946, các cơ quan tham mưu - chính trị của chi đội 10 hình thành. Thời gian từ năm 1946 và năm 1947 Ông chỉ huy chi đội 10 chiến đấu bảo vệ đồng bào, Khu bộ, các công binh xưởng của Khu, xây dựng các công binh xưởng của tỉnh, phát động chiến công du kích, địch ngụy vận lấy được 10 đôn bót của địch, thu hơn 100 súng; tổ chức đánh các trận Bảo Chánh, Trảng Táo, Bàu Cá và các sở cao su Xuân Lộc. Đặc biệt, trận Đồng Xoài ngày 19/12/1947, đã tiêu





diệt 20 xe nhà binh địch chở đầy quân trang quân dụng. Các trận đánh này hầu hết đều tiêu diệt nhiều sinh lực địch, thu nhiều quân trang, quân dụng, làm cho địch lúng túng phải rút bớt một số đồn bót đóng sâu trong nội địa của ta để củng cố bảo vệ đường giao thông chiến lược và các sở cao su. Các trận này cũng có tác dụng mở đầu chiến thuật, phong trào giao thông chiến ở Nam bộ, phổ biến kỹ thuật đánh địa lôi điện, bazomine.



**Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ ở chiến khu Đ**

Chi đội 10 không chỉ nổi tiếng chống càn đánh phục kích, tập kích giỏi còn lừng danh với các trận đánh giao thông đường bộ và đường sắt khá xuất sắc. Quy mô tác chiến ngày một lớn. Binh lực phân tán, tập trung linh hoạt. Bộ đội tập trung và du kích địa phương đều lớn mạnh. Đặc biệt, với trận La Ngà ngày 01 tháng 3 năm 1948, đây là trận giao thông chiến lớn nhất Nam bộ kể từ ngày giặc Pháp tái

chiếm nước ta. Quân ta tiêu diệt 2 đại đội địch, 63 xe camions và thiết giáp, giết hai tên quan năm De Désarigné và Barasat, bắt sống một số sĩ quan địch, trong đó có tên quan ba Goffrey bị thương. Sau trận La Ngà nổi tiếng, Chi đội có bước trưởng thành mới, Trung đoàn 310 ra đời. Đơn vị ông được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Chiến công, riêng Trung đoàn trưởng Huỳnh Văn Nghệ được đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thưởng riêng một áo trấn thủ.

So với các trung đoàn của miền Đông, Trung đoàn 310 là một trung đoàn mạnh. Khu bộ trưởng khu 7 Nguyễn Bình rút Huỳnh Văn Nghệ lên làm khu bộ phó.

Tháng 7 năm 1948, Ông nhận nhiệm vụ Khu Trưởng Khu 7, cùng Chính ủy Khu 7 Nguyễn Văn Trí xây dựng căn cứ mới của Khu, thành lập Bộ đội chỉ lực Khu 7, lấy tên là Bộ đội 303. Thi hành lệnh của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ, trong một hoàn cảnh hết sức nguy hiểm, Ông một mình đích thân đến căn cứ Bình Xuyên, dùng lý lẽ và tình cảm, thuyết phục được Lê Văn Viễn (tức Bảy





Viễn) về Nam bộ dự hội nghị, giúp Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ giải quyết được vấn đề Bình Xuyên là vấn đề gay go nhất lúc đó.

Năm 1949, khi phát hiện một du kích đánh được tháp canh của địch, nghiên cứu sáng kiến cách đánh tháp canh này của du kích, ông phát triển chiến thuật, và Tham mưu trưởng Khu 7 Nguyễn Văn Lung (Ba Lung) phân công đồng Lê Quang Nghiêm tức họa sĩ Lê Du cùng với hai đồng chí cán bộ tham mưu Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Soái và Hoàng Trọng Đức điều nghiên, vẽ sơ đồ hệ thống tháp canh De La Tour, phục vụ Bộ Tư lệnh tổ chức trận đánh đầu tiên ở Biên Hòa, hạ 30 tháp canh trong một đêm. Kết quả giết được nhiều địch, thu nhiều vũ khí. Sau đó ông đã phổ biến kỹ chiến thuật đánh tháp canh cho khắp các tỉnh ở Nam bộ, Liên khu 5 và Cao Miên, đập tan sáng kiến chiến lược tháp canh De La Tour của Trương De La Tour và giải quyết được sự bế tắc chiến thuật của Khu 7 lúc đó.



**Trương Nghệ cùng với các đồng đội tại Chiến khu Đ**

Là thủ lĩnh quân sự địa phương, do "thế thời phải thế", Ông không hề được đào tạo qua một trường quân sự nào. Ông học kinh nghiệm từ tướng Nguyễn Bình, nguyên tư lệnh Đệ tứ chiến khu Đông Triều thời kỳ tiền khởi nghĩa. Ông tự học qua các tài liệu như Binh Pháp Tôn tử, Kinh ngoạn du kích Tàu, cách huấn luyện cán bộ quân sự. Ông học ngay từ thực tiễn chiến trường. Khi Chi khu Cây Đào cho đóng bót Võ Sa (nay là xã Lợi Hoà huyện Vĩnh Cửu), ông đã cử Ba Trợn, Tư Bạch (trong chống Mỹ đổi tên là Năm Hồng) và một số chiến sĩ trá hàng, đến khi có thời cơ thì bót Võ Sa nổi dậy phản chiến, thu hết súng ống đạn dược và kéo hết quân ra, trở về với kháng chiến. Đòn "lấy gậy ông đập lưng ông" này làm rúng động hàng ngũ thân binh Pháp. Giặc Pháp cũng nghi ngờ, dè dặt trong việc tuyển mộ thân binh.

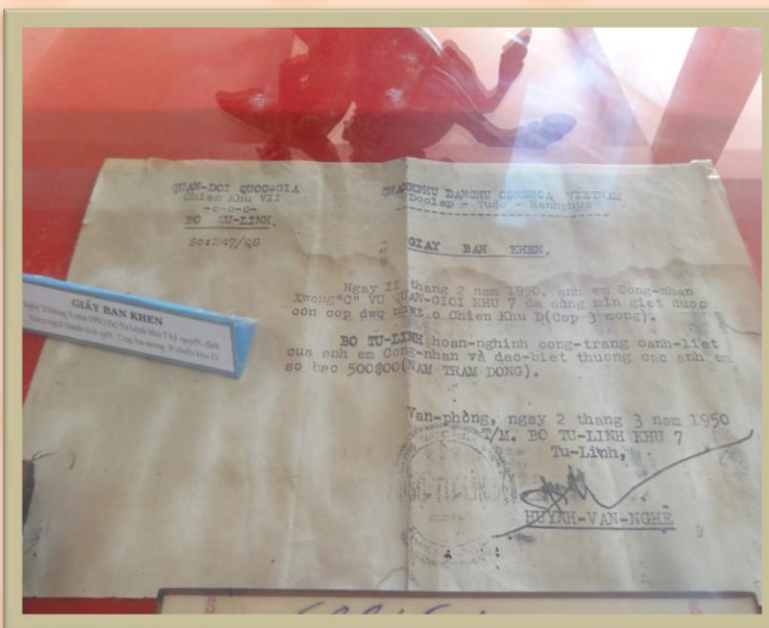
Năm 1951 tỉnh Thủ Biên được thành lập trên cơ sở sát nhập 2 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một trực thuộc Phân liên khu miền Đông gồm 9 huyện: Hớn Quản,



Bến Cát, Lái Thiêu, Thủ Đức, Tân Uyên, Châu Thành, Sông Bé, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc và 2 thị xã: Thủ Dầu Một, Biên Hòa. Sau khi sát nhập khu Sài Gòn - Chợ Lớn vào khu 7, Ông được cử làm Phó Tư lệnh, Bộ Tư lệnh Khu 7, đồng thời là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy kiêm Tỉnh đội trưởng Thủ Biên, đề ra kế hoạch mở cuộc tiến công đánh diệt Chi khu Trảng Bom nhằm đột phá một mắt xích quan trọng trong hệ thống đồn bót kèm tỏa của địch ở khu vực xung quanh thị xã Biên Hòa; phá bàn đạp của địch đánh vào Chiến khu Đ.

Tháng 7 năm 1951, Ông chỉ huy chiến đấu tiêu diệt Sở Chỉ huy khu vực (Poste Commandement quartier) Trảng Bom, thu toàn bộ vũ khí, đánh lui các cuộc tiếp viện của địch từ Biên Hòa, Xuân Lộc, làm chủ tình hình suốt đêm tại một thị trấn trên đường số 1 gồm 7.000 dân. Đây là trận đầu tiên tiêu diệt trung đoàn bộ binh thuộc địa (Régiment Infanterie Coloniale) của quân chính quy địch ở Nam bộ.

Trong thời gian Bộ Tư lệnh Nam bộ và các binh công xưởng Nam bộ đóng ở chiến khu Đ, địch tập trung lực lượng tấn công liên tục, Ông đều chỉ huy lực lượng của tỉnh chiến đấu có kết quả, bảo vệ an toàn Bộ Tư lệnh Nam bộ và các binh công xưởng Nam bộ. Có một trận dùng 20 xe thiết giáp tấn công vào chiến khu Đ, bị ta hạ 8 chiếc, địch phải rút lui lập tức, từ đó không dám dùng chiến thuật này nữa.

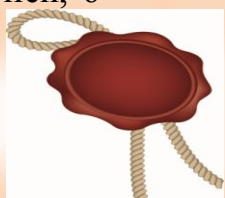


**Huỳnh Văn Nghệ nhận nhiệm vụ Khu Trưởng Khu 7 đã chỉ huy và chiến thắng nhiều trận chiến oanh liệt**

Lực lượng tham gia trận đánh gồm tiểu đoàn 303, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, đại đội Lam Sơn, du kích huyện Vĩnh Cửu, đội đặc công biệt động và đội pháo binh tỉnh Thủ Biên, lực lượng vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc. Ông trực tiếp chỉ huy trận đánh. Trận tiến công bất ngờ làm bọn địch không kịp trở tay. Sau

30 phút chiến đấu, quân ta tiêu diệt 50 lính Âu Phi, bắt sống

50 tên khác, phá hủy 1 xe tăng, thu 200 súng các loại (trong đó có 3 đại liên, 6



trung liên, hai súng cối 81 ly), hàng chục tấn đạn dược, lương thực, thực phẩm. Đây là trận đầu tiên tiêu diệt trung đoàn bộ binh thuộc địa (Régiment Infanterie Coloniale) của quân chính quy địch ở Nam bộ. Chiến thắng Trảng Bom đã tạo tiếng vang lớn trên chiến trường Biên Hòa và các tỉnh miền Đông Nam bộ đã góp phần xóa tan bàn đạp tiền công của địch vào các căn cứ kháng chiến của ta, đồng thời mở thông hành lang chiến lược từ chiến khu Đ về các huyện Long Thành và Bà Rịa, tạo điều kiện cho lực lượng kháng chiến liên lạc an toàn với chiến khu.

Trong năm 1952, năm Nhâm Thìn bão lụt lớn nhất ở Nam bộ thời ấy, ông chỉ huy chống lụt ở Thủ Biên, bảo vệ được bộ đội và dân. Sau trận bão lụt, lợi dụng tình thế khó khăn của quân dân ta, địch gom lực lượng toàn Nam bộ với 11 tiểu đoàn tấn công vào chiến khu Đ. Lực lượng của tỉnh chỉ có 1 tiểu đoàn nhưng Ông đã tài tình chỉ huy chiến đấu suốt 52 ngày, tiêu diệt gần 1 tiểu đoàn địch, chúng không thực hiện được âm mưu gom dân ra thành và tiêu diệt lực lượng ta.



**Thượng tá Huỳnh Văn Nghệ đang hội thảo với nước bạn tại Ba Lan**

Từ tháng 5 năm 1953, Ông được lệnh làm trưởng đoàn một đoàn cán bộ cao cấp từ chiến khu Đ ra Trung ương học. Sau đó ông ở lại miền Bắc công tác trong Quân đội với hàm Thượng tá, làm Trưởng phòng Thể dục Thể thao - Cục Phó Cục Quân huấn thuộc Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam; Rời quân đội, Huỳnh

Văn Nghệ chuyển sang làm Tổng cục phó Tổng cục Lâm nghiệp.



**Ông giữ chức Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp miền Nam, Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp nghiệp ủy viên Đảng đoàn Bộ Lâm nghiệp.**

Năm 1965, ông về miền Nam tham gia chống Mỹ, tham gia công tác tại Trung ương Cục miền Nam, lần lượt giữ các chức vụ: Trưởng ban Căn cứ Trung ương cục miền Nam, Phó Bí thư Đảng ủy Căn cứ Trung ương cục





miền Nam, Phó ban Kinh tài Trung ương cục miền Nam, Trưởng ban Lâm nghiệp Trung ương cục miền Nam.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Ông giữ chức Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp miền Nam, Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp (về sau hợp nhất vào Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); ủy viên Đảng đoàn Bộ Lâm nghiệp.

Ông lâm bệnh và mất tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 3 năm 1977.

Ngày 17 tháng 4 năm 2010, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.



## Đang chờ đời những vần thơ

Nhớ về ông, không chỉ nhớ về một chỉ huy quân sự tài ba, mà nhớ đến một nhà thơ. Ông làm thơ rất sớm từ 21 tuổi. những bài báo bằng tiếng Việt và tiếng Pháp đăng trên các báo ở Sài Gòn với bút danh Hoàng Hồ. Những bài thơ đầu tay của Ông nói về cuộc đời, thân phận của nhân nhân trong kiếp làm than:

Những nóc nhà trời  
Những thân cây gỗ  
Sưởi ngập thành sông  
Sông tràn thành biển  
Mệnh mỏng sóng vỗ chân trời  
Thời hết rồi hết lúa hết khoai  
Chiến khu Đồng Nai lại đói.....  
(Bên sông sông xanh năm 1982)  
Giặc về lấy miếu Bà Cô  
Đóng đồn kiểm soát đôi bờ sông xanh  
Bắt dân đập lũy xây thành  
Giết người ngay giữa sân đình sớm trưa....  
(Nhờ Bà Cô)

Lời thơ của Ông bình dị tưởng không gì bình dị hơn được nữa. Nhưng đó là sự bình dị của một sức chứa tình cảm lớn lao về quê hương, gia đình. Giản dị là thế, nhưng có đặt vào hoàn cảnh của Huỳnh Văn Nghệ lúc này ta mới có thể hiểu thấu nỗi đau lòng vô cùng tận của ông - người khách tha hương đang đứt từng đoạn ruột mà mơ về chân trời cố quốc:



Đêm hôm nay nơi tha hương lữ thứ  
Khách chinh phu từng bước lại lên đường  
Ảnh sao mờ phía chân trời xứ sở  
Như mũi quàn, ôi! Nhức nhối, ngàn trường.  
**(Tết quê hương - 1942)**

Qua thơ, Ông bộc lộ tình cảm của một người trước nỗi buồn khi quê hương dưới gót giày xâm lược:

Gái Tân Uyên vừa lệ tựa hè  
Thương vườn cũ đậu, chề không ai tưới.  
Trai Tân Tích về bờ sông hái bưởi  
Cũng chết oan với mũi súng quân thù.  
**(Bờ sông bị chiếm - 1950)**

Nhưng cũng có lòng tin vào một ngày giải phóng quê hương:

Thề lấy lại Thủ Đức và Thành thị  
Máu xâm lăng phải tưới đỏ quê hương  
Giải phóng Sài Gòn trăm nhớ, ngàn thương.  
**(Bức thư thành - 1947)**

Thơ của Ông miêu tả nhiều hình ảnh về cuộc sống, buổi ban đầu trong chiến khu dù còn nhiều khó khăn:

Thương cả ngàn quân đi với nắng mưa  
Áo ướt rồi khô, khô lại ướt,  
Nước lắt ông tre; muối mè cơm vắt  
Nương áo nhau lần bước đêm rừng.  
**Hành quân - 1955)**

Nhưng vẫn lạc quan, yêu đời:

Đọc truyện Tôn như đọc bức thư tình  
Từng chữ một đánh vào tận thuộc  
Chiến khu xanh đêm vui đỏ quốc  
Suối mừng reo, tiếng quốc nhịp đều đều  
**(Du kích Đồng Nai - 1954)**





Những chiến công của lực lượng cách mạng cũng được Ông đưa vào thơ:

Trời vừa rạng Đông  
Sông Đồng Nai bỗng cười tung sóng trắng  
Thuyền tôi ta hạ tàu giặc ở Xóm Đèn  
Tây trắng cố tìm Tây đen  
Chen nhau bơi, chui đầu vào lưới đan.  
Địa tôi ta nổ trên sông Hồ Cạn  
Làm que đầu mấy chiếc xe tăng  
Nát thân bọn quỷ thô, Việt gian.  
Còn hai chân vướng tòn teng trên càn.  
(Một trận chống càn - 1952)

Thơ của Ông đến với đồng đội, đồng bào bằng cả tâm linh. Thời ấy, ở Chiến khu Đ, nhân dân và chiến sĩ đón nhận thơ của Ông như một nguồn động viên to lớn vượt qua:

"Thi đua là lệnh Bác  
Để kháng chiến thành công.  
Muốn thi đua quyết giặc  
Đại đội phải bình công.  
Chuyện trước sau sẽ hay  
Kể từ trận ngày mai  
Có bình công khen thưởng  
Anh em mình ráng đi  
Cả công mình, công bạn".  
(Hội nghị bình công - 1954)

Lý tưởng chiến đấu của Ông thể hiện trên từng cung bậc của thơ:

Xông pha vượt núi băng ngàn,  
Gặp Lã Ngà ngựa bạc vàng kết đôi  
Thề: Dù tróc tróc núi đồi  
Cũng liều sống thác tìm trời tự do..."  
(Sông Đồng Nai - 1940)



Thơ của Ông thường nói về mẹ, về đồng đội, về quê hương, tổ quốc với nhiều sắc thái khác nhau. Tôi vẫn luôn thỏn thức với dòng thơ về mẹ của ông. Một người con nhớ về một bà mẹ nghèo làm nghề buôn bán cau trầu cùng mấy món hàng quê kiểng để nuôi bầy con ăn học thành người:

Trên đường cát xa thăm thẳm ấy  
Bà bán cau, gánh nặng trên vai oằn,  
Lặng lẽ đi, tưới chân cát cháy  
Non, từ đâu? Nặng trĩu chiếc khăn rằn.  
Gió bốc khói tung bay cuồn bụi trắng,  
Xóm mò xa khuất tang sau rừng tre.  
Mồ hôi chảy vòng quanh đời má rấm  
Bà bán cau bước mãi tưới tưới hè.  
Động lòng, bóng cây thăm nhắc như.  
"Bà má ơi! Ghé gánh nhừ chân già!"  
Nhưng không nghe, bà cứ đi, đi mãi,  
Nhớ chiều nay, tưới nước, tắm con chờ.  
(Bà bán cau, 1935)

Hay cảm nhận xót xa của chính nhà thơ chiến sĩ về nỗi lòng của bà mẹ khổ vì thương nhớ con mà quên cả giao thừa, một người vợ hiền ở quê nhà mỗi mắt trông chồng:

Đêm hôm nay cũng có bà mẹ khổ  
Mỏi trông con quên cả giao thừa  
Đêm hôm nay chạnh đau lòng chính phụ  
Đếm tuổi con để nhớ thuở chồng xa  
(Tết quê người - 1942)

Một sự hồn nhiên mà xúc động nhưng lại thể hiện ý chí quật cường, tinh thần thép trong quyết tâm của người lính. Trước sự quả cảm, kiên cường chịu khó khăn của chiến sĩ trong hoàn cảnh kháng chiến còn nhiều gian khổ, khi phải cưa bỏ cái chân bị thương bằng cưa thợ mộc, ông đã viết:

Xuống ngựa, bước cưa  
Hỏi ra mới biết.



Bác sĩ sang cửa chân  
Một chiến sĩ bị thương  
Bằng cửa thờ mộc..  
Bác sĩ vừa cứu vừa khóc  
Chiều thương mắt cũng đỏ hoe  
Nhìn ảnh Bác Hồ trên tấm vách tre  
Anh chiến sĩ cứ mãi hát.

(Tiếng hát giữa rừng - 1946)

Thơ của Ông khi sang sảng như gió lộng trời cao:

Có con sông cũng từ hướng bắc  
Vượt núi rừng chênh thác  
Tràn vào Nam cuộn cả bóng mây cao  
(Lịch sử quê hương - 1948)

Khi thì thầm như dòng sông ngày đêm rì rào chảy qua trước ngõ:

Nào đâu những hoa vàng chào chim khách,  
Tấm khăn tình pho phất đón sân ga.  
Đâu môi duyên cười nói ban phương xa  
Và lòng mơ, tim run, tay siết chặt?  
(Đường về - 1938)

Ở Huỳnh Văn Nghệ nhiệm vụ chiến sĩ và sứ mệnh thi sĩ đã hoà quyện với nhau, như chính lời ông viết:

Tôi là người lẩn lóc giữa rừng trần,  
Không phân biệt lúc mai quơm mùa bút.  
Đời chiến sĩ máu hòa lệ, mệ  
Còn yêu thương là chiến đấu không người  
Suốt một đời quơm chẳng ráo mồ hôi





Thì không lẽ bút phải chờ kiếp khác.  
Trên bình ngựa múa quờm vừa ca hát  
Lòng ta say chiến trận đã thành thơ  
Máu quân thù chảy đỏ quê hương ta  
(Bên bờ sông xanh - 1948)

Thơ của ông giản dị mà gần gũi, đầy cảm hứng mà sâu sắc, hồn nhiên mà xúc động. Bài thơ *Nhớ Bắc* của ông làm tại Chiến khu Đ năm 1946 với 4 câu tuyệt bút mở đầu đã được nhiều thế hệ người Việt Nam truyền tụng:

Ai về xứ Bắc ta đi với  
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng  
Từ đó mang quờm đi mở cõi  
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.

Bài thơ kết thúc bằng 4 câu mang nặng tình với đất nước:

Ai đi về Bắc xin thăm hỏi  
Hồn cũ anh hùng đất Cổ Loa  
Hoàn Kiếm hồ của Linh Quy hỏi  
Bao giờ mang trả kiếm Tân ta.

Bài thơ không dài, nhưng âm hưởng hào hùng da diết của nó đem lại trong lòng chúng ta thật đặc biệt khó mà diễn đạt hết. Nỗi lòng nhớ BẮC nhớ Thăng Long của tác giả chính là nỗi nhớ nguyên sơ tiềm ẩn trong tâm thức con người Nam bộ hướng về cội nguồn, hướng về đất tổ, hướng về chiếc nôi sinh ra dân tộc mà những người con đất Việt từ đó ra đi hơn 300 trăm năm tìm đường “mở cõi”. Với bao thăng trầm: vinh quang cùng cay đắng, oanh liệt và bi tráng để có non nước VIỆT hôm nay.

Qua thơ của Ông, tôi cảm nhận Huỳnh Văn Nghệ đánh giặc bằng cả gươm và bút. Đồng đội và nhân dân miền Nam gọi ông là “Thi tướng rừng xanh”. Làm thơ để đánh giặc, động viên những người ra trận, vì thế mà các bài thơ của Huỳnh Văn Nghệ đều phản ánh hiện thực cuộc chiến đấu gian khổ, oanh liệt ở chiến khu. Một chiều tiêu thổ, một trận công đồn, một trận bão lụt, một chiến sĩ hy sinh... tất



cả ulla vào thơ ông, mang nguyên những bụi bặm chiến trường, nhiều khi như một phóng sự, ghi chép sự kiện.

Tâm hồn thi sĩ, với một giấc mơ đòi hỏi cho quê hương, vì quê hương chiến đấu vì đồng bào. Sức hút của Huỳnh Văn Nghệ toả rộng còn ở phẩm chất và phong cách mang đậm nét truyền thống anh hùng dân tộc trong lịch sử: nhân ái và khảng khái. Ông đã truyền nhiệt huyết của mình đến với các đồng đội. Tất cả những tình cảm cao đẹp này đều được truyền tải qua những vần thơ từ tình cảm giữa chiến khu với đồng bào nơi bị chiếm; đến các trận đánh Trảng Bom, Bung Còng, Bảo Chánh, La Ngà; đến tinh thần chiến đấu hy sinh của bộ đội, dân quân du kích, của em bé liên lạc xóm Cây Dâu, đến cái chết của đại biểu Quốc hội khóa I Nguyễn Văn Xiển... Nhưng có lẽ, các nhân chứng lịch sử nhớ nhiều nhất bài thơ của ông nói về trận bão lụt lịch sử năm Nhâm Thìn 1952 và trận thắng lớn của Tiểu đoàn 303 Thủ Biên ngay trong những ngày “*Trút cả hũ không còn đầy năm muối*”. Chính Thượng tướng Trần Văn Trà, vị Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam đã chép lại và cho công bố bài thơ *Chiến khu Đ chống bão* của Huỳnh Văn Nghệ.



Những vần thơ của Ông hào sảng mà tha thiết tình non nước cứ vang vang trong tâm tưởng người đọc tạo ra những cảm xúc vừa hùng tráng, vừa tha thiết như tan vào dòng máu đang cuộn chảy trong tim những người Việt Nam đầy lòng tự tôn dân tộc. Lúc sinh thời, nhà

hoạt động chính trị-nhà văn-nhà nghiên cứu văn hóa Trần Bạch Đằng đã từng thốt lên: “Không còn nghi ngờ gì nữa, đây có thể gọi là những câu THƠ THẦN-TUYỆT BÚT của thời đại !”.

Gần 50 bài thơ của ông đã được chọn in trong tập Thơ văn Huỳnh Văn Nghệ, NXB Đồng Nai, 1998. Ngoài ra ông còn viết truyện ký, tự truyện được tập hợp trong hai tập sách Quê hương rừng thẳm sông dài và Những ngày sóng gió. Tháng



12 năm 2006, các tập thơ Chiến khu xanh, Bên bờ sông xanh, Rừng thẳm sông dài được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

### Cây đại thụ của gia đình

Ông lấy vợ tên là Đoàn Thị Nhạn, có tất cả 9 người con. Hai người con đầu mất sớm. Người thứ tư là bà Huỳnh Xuân Lan, mất năm 2007, nguyên là Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty xây dựng số 1. Người thứ năm là bà Huỳnh Thu Cúc, giảng viên đại học Bách Khoa. Người thứ sáu là bà Huỳnh Thu Nguyệt, nguyên là kết toán trưởng. Người thứ bảy là ông Huỳnh Văn Nam, nguyên là Tổng giám đốc Đài Truyền Hình TP.HCM. Người thứ tám mất sớm. Người thứ chín là bà Huỳnh Thị Sông Bé. Người con út là bà Huỳnh Thị Thành, hiện là trưởng khoa Vật lý Đo lường, Viện Kiểm Nghiệm Thuốc TP.HCM.

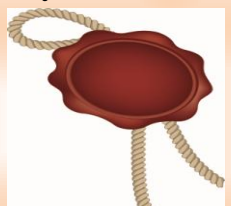


Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và vợ Đoàn Thị Nhạn



Gia đình thi tướng Huỳnh Văn Nghệ khi còn ở miền Bắc trước 1975

Cuộc đời của ông là cuộc đời chiến trận, gắn liền với lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Chính vì thế, ông mang bản lĩnh, phong cách của một chiến binh, một người chỉ huy thực thụ. Tuy vậy, với cuộc sống gia đình, ông lại luôn gần gũi, chan hòa với người thân. Mặc dù rất hiếm có thời gian bên cạnh những người thân yêu, nhưng ông luôn truyền thụ chất lính, chất nhân văn của ông đến cuộc sống của các con. Những người đồng đội đã từng thấy nước mắt thép của người chỉ huy tài





ba khi nghe tin con gái lớn hy sinh trong trận đánh giặc cùng ông, ông vẫn mạnh mẽ chỉ huy trận đánh và những dòng nước mắt ấy đã bị kìm nén ngay từ lúc nhận được hung tin, nhưng vì đang chỉ huy đơn vị chiến đấu, ông đã kìm lại để không làm anh em đồng đội tủi lòng, ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu.

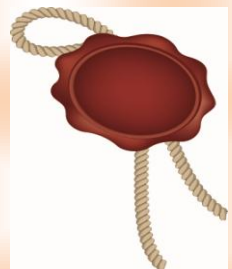


**Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ cùng các con ở Hà Nội năm 1955**

Ông dạy con không bằng kỷ luật, không dạy con bằng những giáo huấn nghiêm khắc, mà truyền tải cho các con bằng tuổi thơ khổ cực, thiếu thốn trong hoàn cảnh quê hương bị giặc xâm chiếm khi ông còn nhỏ để nhằm làm giáo dục lễ sống cho các con. Trong cuộc sống gia đình, ông không bao giờ tạo ra một khoảng cách nào với những người thân, dù là nhỏ nhất. Trong ánh mắt của

các con, ông là một người cha đầy tình yêu thương, không chỉ

yêu thương người thân, ông yêu thương tất cả các đồng chí, đồng đội, những mảnh đời cơ cực trong hoàn cảnh chiến tranh thời bấy giờ, nhưng lại rất kỷ luật và mang tính nhân văn rất cao trong lãnh đạo, chỉ huy, điều hành công việc, thực hiện nhiệm vụ. Có một câu chuyện cảm động đến bây giờ vẫn được nhiều người nhắc, ấy là buổi đầu thực hiện phong trào “Tiêu thổ kháng chiến” trong thời kỳ chống Pháp, ông đã tự châm đuốc đốt nhà của mình trước để vận động bà con làm theo. Sự chan hòa và tính nêu gương ấy là nhân tố giúp ông có khả năng thu phục lòng người, xây dựng tinh thần đoàn kết trong kháng chiến. Những đức tính tốt đẹp của ông luôn được các con khắc cốt ghi tâm, tự nhủ trong công việc cũng như cuộc sống phải luôn noi gương ba mình. Ở tâm trí của các người con, ba Nghệ là một người không bao giờ nghĩ cho bản thân mình, gia đình mình mà luôn nghĩ về việc chung của quê hương, đất nước.



Ông qua đời tại thành phố Hồ Chí Minh năm 1977. Linh cửu của Ông được đưa về an tang tại vùng quê Tân Tịch, Tân Uyên. Làng Tân Tịch, cái nôi của cách mạng, sau nửa thế kỷ tiền Ông đi nay ân cần, ưu ái đón Ông về với nỗi ngậm ngùi thương tiếc vô bờ bến của đồng chí, đồng đội và người thân. Trái tim Ông sau bao năm thổn thức đã ngừng đập. Cuộc sống đầy thử thách, nghiệt ngã nhưng cũng đầy khí phách, hào hùng của Ông đã khép lại dưới nấm mồ một cách thanh thản lạ thường:



Một vần thơ đầy tâm huyết, chất chiu từ tình yêu quê hương, tổ quốc của Ông viết từ năm 1946 đã được đồng đội và gia đình chọn để khắc lên mộ Ông. Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ đã “sang bến, lên đường” nhưng hình ảnh của một Tám Nghệ mãi mãi khắc sâu trong bao thế hệ của con người miền Đông gian lao mà anh dũng, được nhân dân tạc bia trong lòng.

Tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp và cuộc sống đời thường của Ông, tôi vô cùng khâm phục. Cuộc đời ông như một huyền thoại, gắn liền với những trang sử vẻ vang của Chiến khu Đ trong kháng chiến chống Pháp. Ông là một nhà hoạt động cách mạng, một chỉ huy quân sự tài trí, anh dũng của Việt Nam. Trái tim của một thi nhân xuất phát từ một chiến sĩ chiến đấu vì tổ quốc đã tạo nên một Thi tướng của nhân dân Việt Nam với hình ảnh đầy sống động được lưu giữ mãi trong lịch sử dân tộc. Ở ông hội tụ đủ mọi nhân tố của một người yêu nước, một thi tướng có những vần thơ in đậm trong tâm trí người đọc qua bao thế hệ. Ông hoàn toàn xứng đáng được đồng đội và nhân dân miền Nam tôn vinh là "Thi tướng rừng xanh". Với cuộc đời chiến sĩ trực tiếp cầm súng, thơ ca của ông đã phản ánh chất hào hùng,



chất sử thi của chiến khu Đ, Ông xứng đáng là danh nhân Nam bộ, tinh hoa của Trấn Biên hội tụ từ hào khí Đồng Nai.

Đến với những bài thơ do ông sáng tác đậm tình làng nghĩa xóm, hào khí của một người lính, khẳng khái và quyết đoán của một vị chỉ huy quân sự, lòng nhân ái của một tình đồng đội, sự yêu thương, cảm thương của một người con, người chồng đã đem lại cho tôi những cảm xúc đa dạng. Từ mạnh mẽ khi nghĩ đến cuộc kháng chiến đi qua đến cảm xúc sâu lắng khi nghĩ về những người thân yêu, những đồng đội trong cuộc kháng chiến lịch sử hào hùng đã qua. Với tôi, khi được đọc những vần thơ của Ông, một cảm xúc từ trong tôi vừa hùng tráng, vừa tha thiết như tan vào dòng máu đang cuộn chảy trong tim những người Việt Nam đầy lòng tự hào của một dân tộc Việt Nam.

Không chỉ riêng tôi, mà tất cả mỗi người đều mang lòng biết ơn sâu sắc đối với một vị tướng của nhân dân, đã đóng góp công lao rất lớn để làm nên một chiến Khu Đ vẻ vang trong lịch sử. Thế hệ của Ông, và những vị danh nhân các thế hệ đi trước đã cống hiến cuộc đời vì quê hương vì dân tộc, những người đã anh dũng,



kiên cường chiến đấu, hi sinh để giữ gìn độc lập của đất nước. Chính điều đó tạo nên tính chất lâu bền cho giá trị của các bậc danh nhân và lan truyền rộng rãi cho nhiều thế hệ sau.

Để tưởng nhớ Ông, tên Huỳnh Văn Nghệ đã được nhân dân đặt cho một trường trung học ở Tân Uyên, trên vùng đất chiến

**Tác giả tham quan tư liệu tại nhà lưu niệm Huỳnh Văn Nghệ** khu Đ cũ. Tại Đồng Nai, có hai ngôi trường mang tên ông. Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ (Trảng Bom) và Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ (Vĩnh Cửu). Tại thị xã Thủ Dầu, thành phố Biên Hòa và Thành phố Hồ Chí Minh đều có con đường mang tên Huỳnh Văn Nghệ.





Tỉnh Bình Dương đã quyết định thành lập Giải thưởng văn học nghệ thuật Huỳnh Văn Nghệ của tỉnh Bình Dương.

Tên tuổi của ông còn được ghi trong sách “Trí thức Sài Gòn Gia Định” và được đưa vào “Từ điển danh nhân Việt Nam”, “Từ điển thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh”. Nhiều nhà báo, nhà nghiên cứu khoa học, lịch sử văn hóa đã có những bài viết, những tác phẩm về ông, kể cả xây dựng hình tượng văn học nghệ thuật trên phim ảnh, hát bội...



Chặng đường Thơ ca của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ được lưu giữ qua những ấn phẩm để lại cho đời

Cuộc đời ông cũng được hãng TFS dựng thành phim truyền hình 37 tập "Vó ngựa trời Nam", do Nghệ sĩ ưu tú Lê Cung Bắc làm đạo diễn và các diễn viên Huỳnh Đông vai Huỳnh Văn Nghệ, Lê Phương vai Nhân, Phụng Cường vai Huỳnh Văn Nghệ lúc nhỏ, Tấn Hưng vai Tám Phát, Thạch Kim Long vai Chín Quỳ. Phim được dàn dựng từ năm 2007 và công chiếu vào tháng 3 năm 2010. Phim đoạt giải Vàng duy nhất thuộc về thể loại phim truyền hình dài tập tại Liên hoan phim truyền hình.



. Ngoài ra, trong phim *Dưới cờ đại nghĩa* sản xuất năm 2006, ông được diễn viên Lê Văn Dũng thể hiện.

Nhân ngày sinh 100 năm của Ông, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên (Đồng Nai) đã có buổi triển lãm hình



ảnh cuộc đời và sự nghiệp, sinh hoạt chuyên đề “Huỳnh Văn nghệ - Nhà thơ, chiến sĩ tài ba”. Cũng trong dịp này, sáng 13-02-2014, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên đã tổ chức lễ khởi công dựng tượng Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ. Tượng có chiều cao hơn 3m, được tạc từ chất liệu đá xanh nguyên khối có trọng lượng gần 10 tấn. Sau khi hoàn thành, công trình được đặt tại khu vực Công viên tượng Văn miếu Trấn Biên.



Hàng năm cứ đến ngày rằm tháng giêng, vừa sau tết nguyên tiêu, tất cả cháu con, đồng đội Huỳnh Văn Nghệ, du khách các nơi và những người dân quê lại tụ họp về bên mảnh vườn xưa để tưởng nhớ đến một danh nhân, một danh tướng, một nhà thơ lấy lòng của mảnh đất Tân Uyên và của cả Việt Nam. Ở đây, người đã khuất lắng nghe những nguyện cầu

của người đang sống, người đang sống sẽ nhớ mãi trong ký ức của mình về hình ảnh của một vị danh nhân dân tộc, một anh tằm Nghệ đã cùng biết bao anh hùng đã ngã xuống để tìm một tương lai huy hoàng ngời sáng cho đất nước. Người xưa đã khuất, nhưng đất nước này, núi sông này mãi ghi dấu chiến công lấy lòng của một thời gian lao anh dũng:

Anh đã mất nhưng nào đã mất  
Hình bóng anh còn đọng mãi trong tâm...

Kiến nghị giữ gìn, phát huy các giá trị lịch sử – văn hóa  
của danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử nơi chung và của  
Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ nơi riêng



## **I. Nhận thức giá trị lịch sử-văn hoá của danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Trong quá trình viếng thăm một số Đền thờ, mộ phần của danh nhân văn hóa và nhân vật lịch sử tỉnh Đồng Nai để cảm nhận nhân vật lịch sử mà bản thân cá nhân tâm đắc nhất, tôi có cảm nhận về giá trị lịch sử-văn hoá của danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Vùng đất Miền Đông Nam Bộ tuy so với lịch sử mấy ngàn năm dân tộc thì khá non trẻ. Cùng với các đồng bào, anh em của các miền đất nước trải qua biết bao thăng trầm, biến động của lịch sử đất nước Việt Nam, con người ở đây đã phải hứng chịu biết bao tác động thử thách của thiên tai, của nạn ngoại xâm và nội chiến. Nhưng người dân Miền Đông Nam Bộ bao đời nay luôn có tinh thần yêu nước, yêu quê hương nồng nàn, có tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm, bất khuất, nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Người dân ở đây biết bao thế hệ đã cống hiến mồ hôi và xương máu của mình để xây dựng và vun đắp nên những giá trị vật chất và tinh thần truyền thống lịch sử, văn hoá và đấu tranh cách mạng.

Mỗi di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử là trường học trực quan sinh động, có những giá trị to lớn về văn hoá và cũng mang văn hoá đặc thù của một địa phương, nên cần phải được bảo tồn, phát huy và giới thiệu rộng rãi đến tất cả mọi người.

Có thể nói, những di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử của Đồng Nai là minh chứng sinh động về truyền thống đấu tranh cách mạng gắn với các sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu của dân tộc, của quê hương đất nước. Đó là những di tích ghi dấu các sự kiện về lịch sử dựng nước và giữ nước, trong thời kỳ cách mạng, di tích gắn với sự kiện trong những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp, những di tích gắn với các sự kiện tiêu biểu trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, di tích lưu niệm danh nhân tạo nên lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Nhớ về danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử, trong đó có Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ sẽ góp phần giáo dục cho thế hệ sau tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, thông minh, là ý chí kiên cường, bất khuất, là đạo đức lối sống, là tình nhân ái, vị tha, bao dung, là tư tưởng vì nghĩa, vì dân, vì nước trong đấu tranh chống chọi với





thiên tai, với thù trong, giặc ngoài của cộng đồng dân cư qua các vị anh hùng tiêu biểu đại diện cho một dân tộc mạnh mẽ, hào hùng trên vùng đất Đồng Nai.

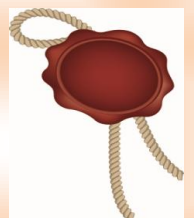
## **II. Những bất cập vẫn tồn tại trong việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử-văn hoá của danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Cùng với sự xây dựng và phát triển đồng bộ kinh tế xã hội, việc bảo tồn, gìn giữ các di tích văn hóa lịch sử đang được Nhà nước rất quan tâm. Qua quá trình thực hiện, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng về bảo vệ di sản lịch sử văn hóa, kiểm kê, công nhận, trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ cho ngành. Tuy nhiên, trong công tác quản lý, bảo tồn, quảng bá, phát huy các di tích danh nhân văn hóa và nhân vật lịch sử vẫn đang còn những bất cập.

Trong quá trình tôi đã đi tham quan nhiều di tích để lựa chọn nhân vật tâm ý nhất cho bài viết của mình, tôi nhận thấy các khu di tích rất vắng lặng, không còn sự tôn nghiêm, người dân tự do buôn bán trước các đền thờ, tự do dùng diện tích của các di tích để sử dụng vào việc riêng. Thiếu sự quản lý chặt chẽ của cơ quan nhà nước trong việc bảo tồn di tích... Những vấn đề này đang xảy ra làm ảnh hưởng rất lớn về đẹp mỹ quan, mất dần giá trị di tích, và làm giảm đi sự nhận thức giá trị lịch sử của danh nhân văn hóa và nhân vật lịch sử khi các thế hệ trẻ khi tìm về nguồn cội lịch sử.

### ***Tìm hiểu nguyên nhân, tôi đánh giá như sau:***

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và một bộ phận nhân dân về di sản văn hóa lịch sử còn hạn chế.
- Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về quản lý di tích cho đội ngũ cán bộ cơ sở chưa được quan tâm đúng mức.
- Số lượng di tích phát huy giá trị còn ít do chưa được sự quan tâm của các tổ chức, cơ quan nhà nước.
- Nhiều địa điểm, di tích mang nhiều giá trị, ý nghĩa nhưng người dân chưa biết tới do tại đây còn thiếu biển giới thiệu hoặc có thì bị cũ, che khuất, khó nhìn, khó đọc.



- Chưa có chính sách hỗ trợ cho những người trông coi các di tích không có nguồn thu từ xã hội hóa. Các di tích không có người chăm sóc, quản lý, chỉ có dân địa phương tự quản và tự do buôn bán, sử dụng diện tích chung của di tích vào mục đích riêng.

- Luật Di sản Văn hoá chưa được tuyên truyền, phổ biến giáo dục đến với đa số nhân dân.

- Công tác xã hội hoá đối với công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá địa phương chưa đồng viên được các nguồn lực để bảo vệ trùng tu, tôn tạo, khai thác phát huy các giá trị vật chất và tinh thần trong đời sống kinh tế - xã hội.

- Công tác tuyên truyền, phát huy tác dụng di tích trên các phương tiện thông tin đại chúng còn hạn chế. Việc tham quan, học tập tại các di tích mang tính bắt buộc, chỉ đạo thực hiện khiên cưỡng.

- Bản thân các di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử còn chưa phát huy hết tiềm năng giá trị, không hấp dẫn khách tham quan do tình trạng xuống cấp, các hiện vật trưng bày bổ sung không được bảo quản, thiếu giải pháp kỹ thuật trưng bày hiện đại.

- Nguồn kinh phí đầu tư được phân bổ cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích danh nhân văn hóa và nhân vật lịch sử còn hạn hẹp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Chỉ duy trì kinh phí tu bổ, chống xuống cấp, và tùy vào từng di tích.

- Đồng Nai còn yếu kém trong việc xây dựng và phát triển tiềm năng về ngành du lịch nên không thu hút khách tham quan các di tích danh nhân văn hóa và nhân vật lịch sử. Du khách địa phương khi tham quan các di tích danh nhân văn hóa và nhân vật lịch sử chỉ theo dịp lễ truyền thống.

- Việc tuyên truyền, quảng bá về di tích lịch sử văn hóa của tỉnh Đồng Nai chưa có sự quan tâm của ngành văn hóa địa phương. Không có các hình thức quảng bá thu hút người dân, du khách, tầng lớp trẻ như sinh viên, học sinh. Thông tin về các di tích lịch sử rất ít. Trong quá trình đi tìm tư liệu viết bài tham gia cuộc thi, tôi rất khó khăn để có được các thông tin chính xác, chỉ dẫn địa lý về hệ thống di tích lịch sử văn hóa của tỉnh Đồng Nai không rõ ràng. Tôi phải tìm tư liệu từ google, từ những người lớn tuổi của địa phương để đến được khu vực có khu di tích.



### **III. Một số đóng góp ý kiến để gìn giữ và phát huy giá trị di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử tại Đồng Nai**

1. Để tăng cường quản lý nhà nước đối với các di tích lịch sử văn hóa nói chung và di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử nói riêng, UBND tỉnh Đồng Nai cần có sự đánh giá nghiêm túc về vị thế và tình hình quản lý các di tích này từ trước tới nay. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý di tích - danh thắng Đồng Nai cần có những đề xuất cụ thể về biện pháp quản lý phù hợp đối với các di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử đáp ứng được yêu cầu đặt ra của xã hội. Cần xây dựng một cơ chế quản lý phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành và với cộng đồng cư dân nơi di tích tồn tại. Đặc biệt chú ý đến vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích: cộng đồng sẽ là sợi dây liên kết giữa di tích với các nhà quản lý, mọi hiện tượng vi phạm, gây tác hại đối với các di tích sẽ nhanh chóng bị phát hiện.

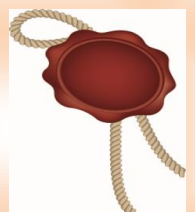
2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý di tích.

3. Nâng cao trình độ nguồn nhân lực nhằm bảo tồn và phát huy tác dụng giá trị nhân văn và phục vụ phát triển du lịch về hệ thống di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử của địa phương.

4. Sở KH&CN Đồng Nai nghiên cứu đặt hàng các đề tài nghiên cứu bảo tồn, và phát triển hệ thống thống di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử bằng những công trình nghiên cứu khoa học. Phát hiện và tìm kiếm mới trong những giá trị thực của các công trình lịch sử đang tồn tại.

5. Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, trong đó ưu tiên đầu tư nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho việc tu bổ, tôn tạo các di tích nhân vật lịch sử cách mạng; Đầu tư kinh phí để nâng cao chất lượng, quy mô tổ chức lễ hội hàng năm tại Khu văn hóa lịch sử Trấn biên để nâng tầm bản sắc truyền thống dân tộc về tôn vinh giá trị văn hóa lịch sử cho người dân Đồng Nai được hội tụ tham dự nâng cao nhận thức giá hiểu về giá trị lịch sử văn hóa.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về di sản văn hóa lịch sử, nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức về giá trị di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử trong các cấp, các ngành và nhân dân.





7. Chấn chỉnh việc đặt bia, thay các biển di tích cũ bằng các tấm biển mới với chất liệu bền vững ở các di tích lịch sử văn hóa để cho nhân dân biết và quan tâm hơn nữa đến di tích.

8. Việc giáo dục truyền thống thông qua việc tham quan các di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử. Bằng việc đưa học sinh đến tham quan, học tập tại di tích là một điều rất bổ ích. Sở Giáo dục đào tạo chỉ đạo cho các trường phổ thông đưa học sinh đến tham quan, học tập ngay tại các di tích.

9. Tôi đề nghị mỗi trường nhận chăm sóc một di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử, góp phần làm cho di tích ngày một sạch đẹp hơn, hấp dẫn hơn. Mỗi trường có kế hoạch và tổ chức giáo dục truyền thống dân tộc, văn hóa và tinh thần cách mạng một cách hiệu quả cho tất cả học sinh; phối hợp với chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương phát huy giá trị của các di tích di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử cho cuộc sống của cộng đồng ở địa phương và khách du lịch.

*Để làm được việc này ngành Văn hoá cần tiếp tục kết hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo Đồng Nai trong chương trình giáo dục về lịch sử, văn hoá Biên Hòa – Đồng Nai. Ở các trường học phải phối hợp với Đoàn Thanh niên CS Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong xây dựng kế hoạch trong từng năm học tổ chức cho học sinh tham quan di tích lịch sử cách mạng mang tính “về nguồn”, tham gia bảo vệ các di tích, tổ chức kết nạp Đoàn, Đội ngay tại các di tích ở địa phương...*

10. Nâng cao chất lượng, tinh thần thái độ phục vụ khách tham quan của các cán bộ quản lý di tích, đặc biệt cần chú ý nâng cao hơn nữa công tác thuyết minh, hướng dẫn tham quan tại các điểm di tích.

11. Ý thức bảo vệ không gian môi trường khu vực di tích, di sản là yêu cầu quan trọng và cần thiết trong việc gìn giữ, bảo vệ và quảng bá hình ảnh nhằm phát huy giá trị hình ảnh tốt đẹp, tính nhân văn lịch sử hướng đến giáo dục cho cộng đồng và xã hội.

12. Quan tâm đến nội dung trưng bày của một số di tích. Đến với di tích mà chỉ là một căn phòng trống, thiếu những thông điệp từ quá khứ, không cảm nhận được khí thế hào hùng của thế hệ đi trước thì du khách sẽ chỉ đến một lần và không trở lại nữa.



#### **IV. Một số đóng góp ý kiến để gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa – lịch sử của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ**

Người dân Đồng Nai – Bình Dương nói riêng và người dân miền Đông Nam Bộ nói chung đang được kế thừa những giá trị quý báu từ tư liệu cuộc đời Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ. Vì thế phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và phát huy những giá trị lịch sử văn hóa tiêu biểu này:

1. Cần phát huy truyền thống tốt đẹp nhớ nguồn của thế hệ sau bằng những tổ chức hoạt động có ý nghĩa tích cực qua sự tuyên truyền, tổ chức những sự kiện đánh dấu hình ảnh và cuộc đời của Ông vào những dịp kỷ niệm ngày lịch sử, những lễ hội văn hóa, kỷ niệm ngày sinh của Thi tướng để người dân Đồng Nai, người dân Bình Dương và dân tộc Việt Nam nhận thức về giá trị lịch sử, văn hóa của Thi tướng.

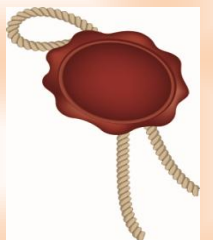
2. UBND tỉnh Đồng Nai và Bình Dương cần phối hợp trong xây dựng hồ sơ đề nghị Đền thờ Huỳnh Văn Nghệ tại quê nhà của ông trở thành một di tích lịch sử văn hóa được Nhà nước công nhận và xếp hạng.

3. UBND tỉnh Đồng Nai và Bình Dương phối hợp trong việc tôn tạo, bảo quản, nâng cấp Đền thờ Thi tướng thành di tích lịch sử, văn hóa ngang tầm với công trạng của Thi tướng để giới thiệu đến du khách các tỉnh và người dân Đông Nam Bộ về giá trị văn hóa – lịch sử của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ.





4. Bình Dương có Đền thờ Huỳnh Văn Nghệ được tọa lạc ngay trên mảnh đất quê nhà sinh ra ông. Tuy nhiên cùng với việc xây dựng tượng, Đồng Nai có thể xây dựng một khu nhà tưởng niệm riêng về Huỳnh Văn Nghệ tại Khu văn hóa lịch sử Trảng Biên. Suu tầm hình ảnh, tư liệu và lưu giữ tại nhà truyền thống, mở rộng hệ thống tư liệu, hình ảnh về cuộc đời, sự nghiệp và suu tầm, bảo tồn tất cả những bài thơ của ông đã sáng tác khi còn sống để trở thành tập tư liệu quý giá cho thế hệ tuổi trẻ mai sau được nghiên cứu, tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Thi tướng.





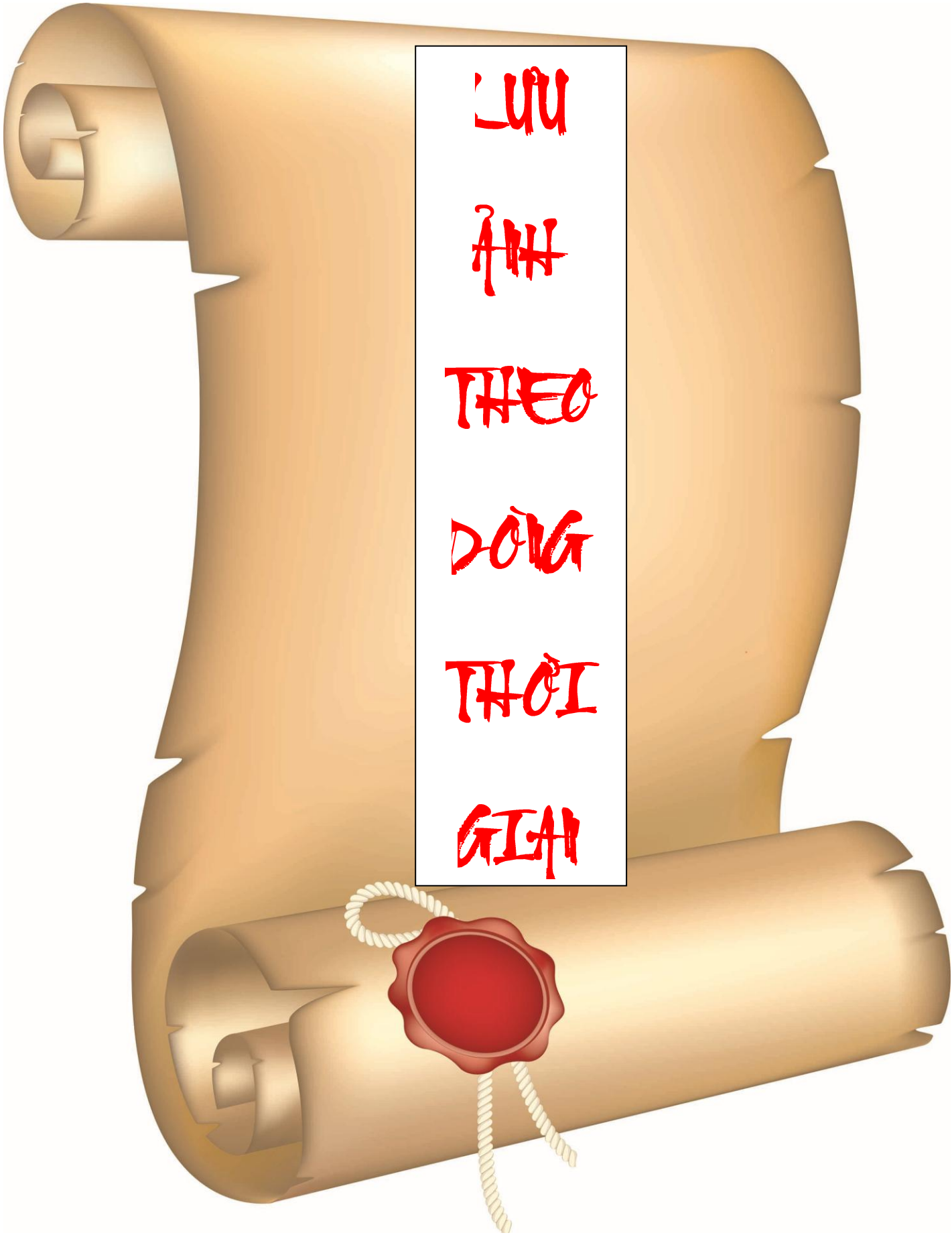


Giá trị lịch sử - văn hóa của danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử trong truyền thống yêu nước và công cuộc xây dựng cách mạng của bao thế hệ cha ông trên mảnh đất Đồng Nai thiêng liêng đã hun đúc giữ gìn cho hôm nay và mai sau là vô cùng quý báu, không có một định lượng nào đánh giá, so sánh được. Đó là kho tàng di sản văn hoá lịch sử rất có giá trị ý nghĩa về mặt tinh thần của xã hội hiện nay. Những di tích danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử đang hiện hữu hiện nay không những là tài sản quý giá riêng của Đồng Nai mà của cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong quá trình dựng nước và giữ nước của nhân dân ta.

Chúng ta là những người con của Miền Đông Nam Bộ sống trong thời kỳ đất nước đổi mới, hội nhập và phát triển kinh tế, với nhịp sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá được vinh dự tiếp nhận, kế thừa. Cảm nhận sâu sắc ý nghĩa to lớn và tác động mạnh mẽ giá trị lịch sử, văn hóa của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh nhà nói riêng, của đất nước nói chung, chúng ta càng thấy trách nhiệm rất lớn với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa – lịch sử danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử nói chung và của Thi tướng nói riêng để phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất, quyết chiến quyết thắng của nhân dân Đồng Nai, những người con của Miền Đông Nam Bộ.

Qua cuộc thi tìm hiểu giá trị lịch sử văn hóa của danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử do tỉnh Đồng Nai tổ chức, với tâm huyết của thế hệ trẻ muốn gìn giữ và phát huy truyền thống anh hùng của các thế hệ trong tiến trình hơn 300 năm hình thành và phát triển vùng đất miền Đông Nam Bộ nói chung và Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng, tôi mong ý kiến của mình sẽ góp phần nhỏ bé vào việc của mình vào việc giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của quê hương, đất nước./.





LƯU

ANH

THEO

DÒNG

THỜI

GIỜ





Lăng mộ Trịnh Hoài Đức







Đền thờ Đoàn Văn Cừ





Ngay từ cổng vào, hàng chữ "Nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ" gây ấn tượng rất mạnh với tôi







Cuộc đời ông như một huyền thoại, gắn liền với những trang sử vẻ vang của Chiến  
khu Đ trong kháng chiến chống Pháp. Ông hội tụ, đủ mọi nhân tố của một người yêu  
nước, một nhà chỉ huy quân sự tài ba, một thi tướng có những vần thơ in đậm trong tâm  
trí người đọc qua bao thế hệ mà đồng đội và nhân dân miền Nam gọi ông là  
"Thi tướng vùng xanh"





Lần khời tưởng nhớ người xưa  
Tưởng Nỗi sống mãi với lòng thời gian





Mộ thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và Vợ





Căn nhà sàn Gái, đẹp bằng gỗ đỏ thẫm với lên trời là hoa cỏ xanh tươi  
cũng là nơi hàng năm tổ chức lễ hội phi nhớ ngày giỗ của Tướng Nhệ





Được đặt khiêm tốn trong khu vườn của gia tộc họ Huỳnh,  
Đền thờ tướng Nghệ vừa được nâng cấp có 2 tầng



Tầng 1 của Đền thờ Trương nghệ được bày biện theo  
truyền thống Việt Nam





Thắp nén hương tỏ lòng tri ân, tôi bồi hồi nhớ đến câu thơ tuyệt bút "  
Tức là mang quơm đi mở cõi/ Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long" đã  
làm bao thế hệ trẻ sống có khát vọng với lý tưởng quê hương.





Tầng trệt là Phòng trưng bày các di ảnh, các hiện vật của  
Nhà thơ Chiến sĩ trong thời kỳ kháng chiến...



Những kỷ vật của được lưu giữ tại Nhà lưu niệm - Đám Đầu mốc  
sinh hoạt thường ngày của Tướng Nghệ đã từng khi đang là một  
người chiến sĩ phục vụ cho quê hương





Năm 1936, ông bắt đầu hoạt động làm thơ, viết báo bằng tiếng Việt và tiếng Pháp đăng trên các báo ở Sài Gòn với bút danh Hoàng Hồ





"Vó ngựa trời Nam" là một фонд chảy lịch sử của người dân  
 Miền Đông Nam Bộ, trong đó Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ là đại  
 diện nhân chứng lịch sử Cách mạng đầu thế kỷ 20, khi mà  
 những người dân không chấp nhận kiếp sống nô lệ...



Huỳnh Văn Nghệ là nhà chỉ huy quân sự tài ba, một nhà thơ được nhân dân tôn vinh gọi là "Thi tướng"



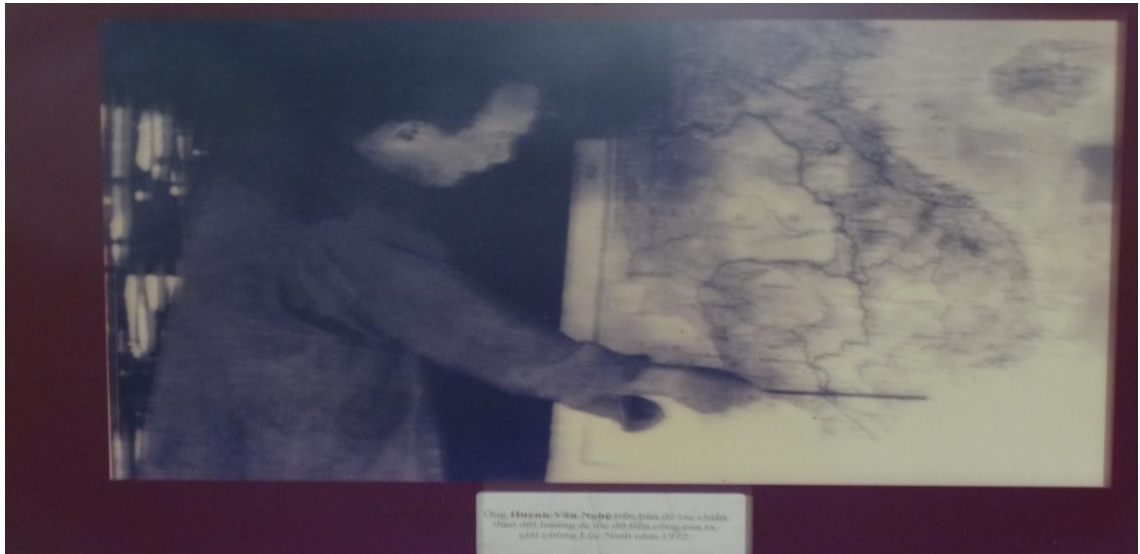


Năm 1946, Tướng Nghệ cùng với các đồng đội trong Chiến khu Đ





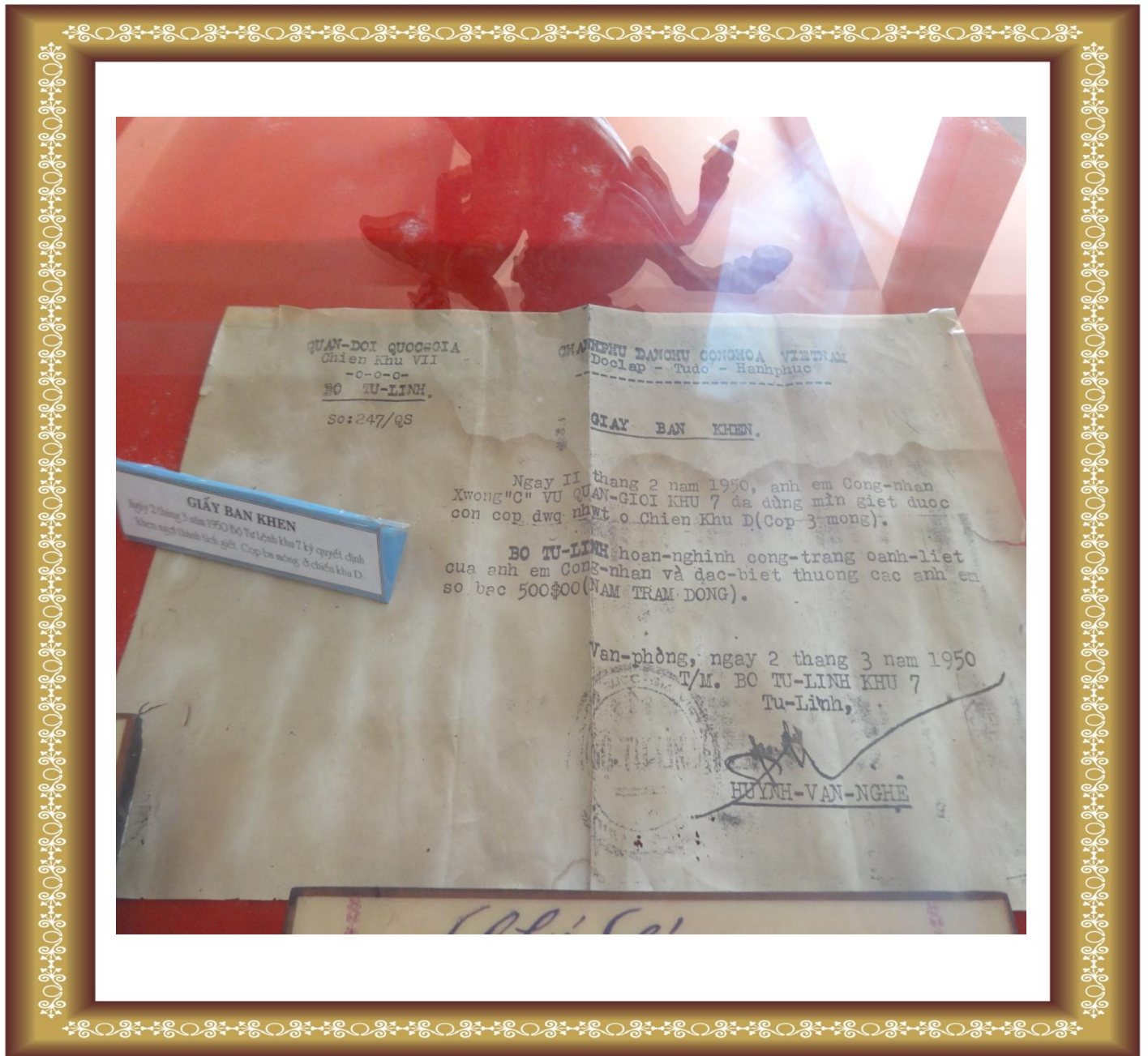
Năm 1948, với sự chỉ huy của Tư lệnh quân khu VII - tướng Nặc Sĩ làm quân chủ/điệp số và trận đánh thắng tại La Nga Sĩ hun đúc lòng quyết tâm của các đồng đội cùng ông đánh đuổi bọn giặc Pháp hung ác



Ông Hoàng Văn Thái, trước đây là tư lệnh  
Đoàn 400, hướng chỉ thị cho các đơn vị  
giải phóng Tây Ninh năm 1972.

Tên tuổi của ông đi vào tâm thức mọi người như một cán bộ quan sự tài năng,  
một ngọn cờ của các đơn vị vũ trang nhỏ lẻ thời kỳ đầu kháng chiến chống  
Pháp, người gắn bó với quá trình gây dựng và phát triển Chiến khu Đ





Tư lệnh quân khu VII Huỳnh Văn Nghệ luôn làm xứng đáng  
hàng ngũ thân binh Pháp





Năm 1953, Thượng tá Huỳnh Văn Nghệ làm Trưởng phòng thể dục thể thao - Cục Phó Cục quân huấn thuộc Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam - "Trưởng Nghệ" sang hội thảo tại nước bạn Ba Lan



Sau năm 1975, Tướng Nghệ cùng người Vợ thân yêu trong ngày  
thống nhất đất nước

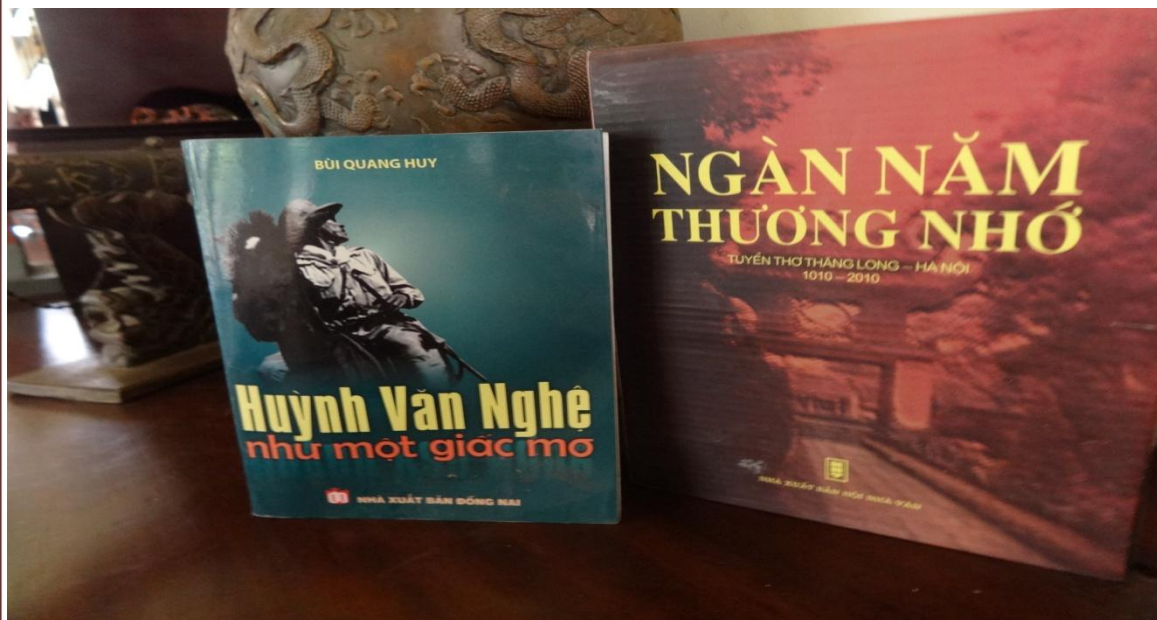




Ông Huỳnh Văn Nghệ cùng vợ con

Với cuộc sống gia đình, ông lại luôn gần gũi, chan hòa với người thân. Mặc dù rất hiếm có thời gian bên cạnh những người thân yêu, nhưng ông luôn truyền thụ, chất lành, chất nhân văn của ông đến cuộc sống của các con





Ghi nhớ những thành tựu, công lao sự nghiệp cho quê hương của nhà thơ, vị tướng tài ba của nhân dân. Nhà xuất bản Đồng Nai đã chủ biên Bộ sách khắc họa chân dung thi tướng Huỳnh Văn Nghệ như những gì ông đã sống và đã viết. Đọc sách chúng ta thấy Ông là con người kết tinh những tính cách đặc biệt giữa một nhà trí thức, một nhà quân sự và một nhà thơ.



Năm 2006, các tập thơ **Chiến khu xanh; Bên bờ sông xanh; Rừng thẳm sông dài** của **Huỳnh Văn Nghệ** được tặng **Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật**





Trường Nghệ Sĩ Trẻ Nhà nước Việt Nam tôn vinh giá trị lịch sử văn hóa





Và cũng Nhân dịp này, những học sinh giỏi vượt khó của những ngôi trường mang tên Huỳnh Văn Nghệ ở Bình Dương và ở Đồng Nai được nhận học bổng mang tên Ông do con gái của Ông là bà Huỳnh Thu Nguyệt trao tặng



Huỳnh Văn Nghệ như một giấc mơ, đã thỏa mãn "giấc mơ" của những người dân Miền Đông Nam Bộ trên nhiều phương diện: Hiện thực và lý tưởng, ý chí và tâm hồn, phóng khoáng và dũng mãnh, gan dạ và thông minh. Đó là giấc mơ đẹp và hình như chỉ đến một lần nên người đời luôn nhớ lại một âm vang của tình yêu quê hương vùng rừng, một âm điệu của những vần thơ hào khí mà thiết tha tình non nước cứ vang vọng mãi cho bao thế hệ người đi trước và đem đến tâm khí khát khao mạnh mẽ cho thế hệ đi sau. Và Tướng Nghệ đã thỏa mãn khát vọng và ý chí ấy - đẹp đến độ hoàn mỹ.





Bức Tượng về Huỳnh Văn Nghệ có chiều cao hơn 3 m, được tạc từ chất liệu đá xanh nguyên khối có trọng lượng gần 10 tấn. Tượng được đặt tại khu vực Công viên Văn miếu Trấn Biên



## THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên : Đỗ Ngọc Thanh Phương  
Sinh ngày : 14 tháng 7 năm 1979  
Giới tính : Nữ  
Nghề nghiệp : Công chức  
Dân tộc : Kinh  
Chính trị : Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam  
Đoàn thể : Đoàn viên Công đoàn  
Đơn vị công tác : Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai  
Nơi thường trú : K3/46 Tân Bản - Biên Hòa - Biên  
Hòa - Đồng Nai  
Số điện thoại : 0613 822297 (8133)  
Di động : 0906 753318  
Email :  
dophuong11014@gmail.com

